

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/11/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quý

2. Ông Đặng Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B; Sinh năm: 1989

HKTT: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Thôn 8, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bị đơn: Anh Tào Mạnh Đ; Sinh năm: 1988

HKTT và địa chỉ hiện nay: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Tào Mạnh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan

hệ tình cảm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Tào Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/4/2009 và Tào Ngọc L, sinh ngày 08/8/2012. Ly hôn, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và giao cháu N cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Tào Mạnh Đ để nộp bản tự khai nhưng anh Đ đều vắng mặt nên không có lời khai của anh Đ trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Tào Mạnh Đ; Về con chung: Giao cháu Tào Ngọc L, sinh ngày 08/8/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tào Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/4/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Đ không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị B vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị B và anh Đ.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Tào Mạnh Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể tiếp tục sống chung cùng một mái nhà được nữa. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Chị B và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Tào Mạnh Đ.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung. Xét thấy, cháu L là con gái và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn cháu N là con trai, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị B. Giao cháu Tào Ngọc L cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tào Nguyễn Hoàng N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị B không yêu cầu nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Tào Mạnh Đ.

Về con chung: Giao cháu Tào Ngọc L, sinh ngày 08/8/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tào Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 11/4/2009, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị B, anh Đ có quyền qua lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2018/0002806 ngày 01/7/2020. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị B và anh Tào Mạnh Đ. Anh Đ và chị B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cúc